

Số: 2830265

|                                                | PEUGEOT 408 PREMIUM | Kia Sportage 1.6 Turbo Signature (X-Line) (Tùy chọn màu nội thất) |
|------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.119.000.000đ      | 1.029.000.000đ                                                    |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                     |                                                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510  | 4660 x 1865 x 1700                                                |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                | 2755                                                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                 | 190                                                               |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1450                | 1660                                                              |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1900                | 2110                                                              |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                 | 543                                                               |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                  | 54                                                                |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                   | 5                                                                 |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước    | SX-LR trong nước                                                  |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                     |                                                                   |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech  | Xăng 1.6 Turbo                                                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                | 1598                                                              |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500          | 178 / 5500                                                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000          | 265 / 1500-4500                                                   |
| Hộp số                                         | 8AT                 | 7DCT                                                              |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)     | 2 cầu (AWD)                                                       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson  | Mc Pherson                                                        |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập         | Liên kết đa điểm                                                  |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                 | Đĩa                                                               |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                 | Đĩa                                                               |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18          | 235/55 R19                                                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.2                 | 9.36                                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.7                 | 6.87                                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7                   | 7.79                                                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                   |                                                                   |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport    | Normal / Eco / Sport / Smart                                      |
| Chế độ địa hình                                | -                   |                                                                   |
| NGOẠI THẤT:                                    |                     |                                                                   |
| Cụm đèn trước                                  | LED                 | LED Projector                                                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                   | ●                                                                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | ●                   |                                                                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                   |                                                                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                   |                                                                   |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                   | ●                                                                 |
| Đèn sương mù                                   | -                   | LED                                                               |
| Cụm đèn sau                                    | LED                 | LED                                                               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                   | ●                                                                 |
| Gạt mưa tự động                                | ●                   | ●                                                                 |
| Cửa sổ trời                                    | -                   | ●                                                                 |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                     |                                                                   |

|                                                 |             |                                            |
|-------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●           | ●                                          |
| Chất liệu ghế                                   | Da Claudia  | Da                                         |
| Ghế người lái chỉnh cơ                          | -           |                                            |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●           | ●                                          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | -           | ●                                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ              | -           | ●                                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●           | ●                                          |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | -           | ●                                          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | -           | ●                                          |
| Hàng ghế trước có tính năng massage             | -           |                                            |
| Tính năng cửa hít                               | -           |                                            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●           | ●                                          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Digital 10  | Full-LCD 12.3"                             |
| Màn hình HUD                                    | -           |                                            |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | Digital 10  | AVN 12.3"                                  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●           | ●                                          |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●           | ●                                          |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2           | 2                                          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●           | ●                                          |
| Chìa khóa thông minh                            | ●           | ●                                          |
| Khởi động nút bấm                               | ●           | ●                                          |
| Khởi động từ xa                                 | -           | ●                                          |
| Hệ thống âm thanh                               | 6 loa       | 8 loa                                      |
| Lấy chuyển số                                   | ●           | ●                                          |
| Sạc không dây Qi                                | ●           | ●                                          |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●           | ●                                          |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | -           | ●                                          |
| Đèn trang trí nội thất                          | -           | ●                                          |
| Rèm che nắng                                    | -           |                                            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●           | ●                                          |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |             |                                            |
| Số túi khí                                      | 6           | 6                                          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           | ●                                          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           | ●                                          |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●           | ●                                          |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           | ●                                          |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           |                                            |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           | ●                                          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau | Trước & Sau                                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●           |                                            |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●           | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●           | ●                                          |

|                                          |   |                        |
|------------------------------------------|---|------------------------|
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ● | ●                      |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | ●                      |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ● | ●                      |
| Camera lùi                               | ● | ●(Tích hợp camera 360) |